**THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP VÀO KHU VỰC BIÊN GIỚI,**

**KHU VỰC CẤM CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI**

|  |  |
| --- | --- |
| **1** | **Trình tự thực hiện** |
| **Bước 1:** Chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.  **Bước 2:** Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là tổ chức), cá nhân mời, bảo lãnh người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép vào khu vực cấm, khu vực biên giới tại trụ sở làm việc của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Bộ Công an và gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích theo thông báo của Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Bộ Công an (nếu có).  Trường hợp người nước ngoài xin cấp giấy phép vào khu vực cấm, khu vực biên giới để giải quyết việc riêng của cá nhân người đó thì có thể trực tiếp nộp hồ sơ tại trụ sở làm việc của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Bộ Công an và gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích theo thông báo của Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Bộ Công an (nếu có).  Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:  - Trường hợp hồ sơ đã hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ và trả giấy biên nhận cho người nộp hồ sơ hoặc thông báo trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Bộ Công an.  - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung hoặc chuẩn bị lại hồ sơ hoặc thông báo trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Bộ Công an.  - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì không tiếp nhận hồ sơ, trả lời bằng văn bản hoặc thông báo trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Bộ Công an và nêu rõ lý do;  - Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, người đề nghị cấp giấy phép vào khu vực cấm, khu vực biên giới có thể đề nghị nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính và phải trả phí dịch vụ chuyển phát.  **Bước 3:** Trả kết quả.  - Người nhận đưa giấy biên nhận để đối chiếu; Cán bộ trả kết quả thuộc Phòng Quản lý xuất nhập cảnh kiểm tra, thu lệ phí và trả kết quả cho người nhận.  - Trường hợp đề nghị nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan cung cấp dịch vụ bưu chính;  - Trường hợp chưa cấp giấy phép vào khu vực cấm, khu vực biên giới thì trả lời bằng văn bản hoặc thông báo trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Bộ Công an và nêu rõ lý do. |
| **2** | **Cách thức thực hiện** |
| Trực tiếp nộp tại trụ sở Phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Công an tỉnh Nghệ An, địa chỉ: 2C Trần Huy Liệu, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.  - Trực tuyến: nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Bộ Công an.  - Dịch vụ bưu chính: nộp bổ sung hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích theo thông báo của Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Bộ Công an (nếu có).  Thời gian: Từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trong giờ hành chính) trừ ngày nghỉ, lễ Tết. |
|  | **Thành phần hồ sơ** |
| a) Hồ sơ của tổ chức mời, bảo lãnh người nước ngoài gồm:  - Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế của người nước ngoài;  - Công văn đề nghị cấp giấy phép vào khu vực cấm, khu vực biên giới theo Mẫu NA14;  - Giấy tờ liên quan đến việc cho phép người nước ngoài hoạt động tại địa phương.  b) Hồ sơ của thân nhân người nước ngoài mời, bảo lãnh gồm:  - Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế của người nước ngoài;  - Đơn xin phép cho thân nhân vào khu vực cấm, khu vực biên giới theo Mẫu NA15;  - Bản sao giấy tờ chứng minh quan hệ thân nhân với người nước ngoài. |
| **4** | **Số lượng hồ sơ** |
| 01 (một) bộ |
| **5** | **Thời hạn giải quyết** |
| 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ |
| **6** | **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính** |
| Cá nhân, tổ chức |
| **7** | **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính** |
| Phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Công an tỉnh Nghệ An, địa chỉ: 2C Trần Huy Liệu, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. |
| **8** | **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính** |
| Cấp giấy phép vào khu vực cấm, khu vực biên giới |
| **9** | **Lệ phí** |
| 10 USD/người |
| **10** | **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai** |
| a) Công văn đề nghị cấp giấy phép vào khu vực cấm, khu vực biên giới theo Mẫu NA14 (kèm theo);  b) Đơn xin phép cho thân nhân vào khu vực cấm, khu vực biên giới theo Mẫu NA15 (kèm theo). |
| **11** | **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính** |
| a) Người nước ngoài có hộ chiếu hoặc giấy tờ thay thế hộ chiếu kèm theo thị thực, chứng nhận tạm trú do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp phù hợp với mục đích hoạt động tại Việt Nam đang cư trú tại Việt Nam và không thuộc diện "Chưa cho nhập cảnh", "Tạm hoãn xuất cảnh" theo quy định của pháp luật Việt Nam;  b) Tổ chức bảo lãnh cho người nước ngoài phải có chương trình làm việc cụ thể đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép hoạt động, có người hướng dẫn đi cùng;  c) Thân nhân cư trú trong khu vực cấm, khu vực biên giới bảo lãnh cho người nước ngoài phải có giấy tờ chứng minh quan hệ. |
| **12** | **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính** |
| a) Luật số 47/2014/QH13 ngày 16/6/2014 về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.  b) Luật số 51/2019/QH14 ngày 25/11/2019 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.  c) Luật số 23/2023/QH15 ngày 24/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 15/8/2023.  d) Thông tư số 04/2015/TT-BCA ngày 05/01/2015 của Bộ Công an quy định mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.  e) Thông tư số 22/2023/TT-BCA ngày 30/06/2023 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số mẫu giấy tờ ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BCA ngày 05/01/2015 của Bộ Công an quy định mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 57/2020/TT-BCA ngày 10/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an.  f) Nghị định số 34/2014/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 29/04/2014 về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.  g) Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03/9/2015 của Chính phủ về Quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.  h) Thông tư số 25/2021/TT-BTC ngày 07/04/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam. |